

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam tăng điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]
PTB, PLX

[Vĩ mô/Chiến lược]
Đánh giá SBV nới rộng biên độ tỷ giá và nâng mức giá bán USD

[Quan điểm đầu tư]
NDT được khuyến nghị tránh mua đuối, chỉ bán một phần vị thế ngắn hạn nhằm cân đối lại tỷ trọng tại vùng cản trên

18/10/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,063.66	+1.15
VN30	1,059.06	+1.13
HĐTL VN30F1M	1,057.90	+0.75
HNXIndex	229.12	+1.17
HNX30	388.36	+1.74
UPCoM	80.32	+0.39
USD/VND	24,363	+0.18
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.84	-5
Lãi suất qua đêm (%)	4.17	-21
Dầu (WTI, \$)	85.84	+0.44
Vàng (LME, \$)	1,652.78	+0.16



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,063.66 (+1.15%)
KLGD (triệu CP) 514.8 (+32.6%)
GTGD (triệu US\$) 417.3 (+6.3%)

HNXIndex 229.12 (+1.17%)
KLGD (triệu CP) 143.0 (+192.8%)
GTGD (triệu US\$) 40.0 (+22.0%)

UPCoM 80.32 (+0.39%)
KLGD (triệu CP) 27.9 (+5.0%)
GTGD (triệu US\$) 13.9 (+8.2%)

NDTNN mua ròng (triệu US\$) -0.3

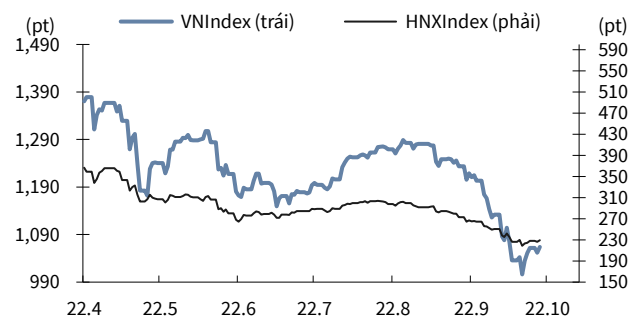
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và khu công nghiệp với thanh khoản tăng nhẹ. Khối ngoại bán ròng, tập trung ở HPG (-2.1%), VHM (+2.0%), DXG (+6.3%).

Đại diện OECD dự báo Việt Nam tăng trưởng vượt 6% trong năm nay và năm 2023.

Giá khí đốt tự nhiên hóa lỏng tại châu Á tiếp tục xu hướng giảm trong bối cảnh lượng tồn kho dự kiến sẽ tăng trong ngắn hạn tác động tiêu cực đến nhóm khí ở GAS (-0.4%).

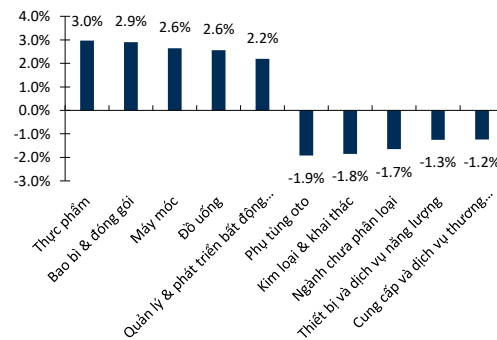
Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 9 đạt 1.41 tỷ USD, giảm 21% so với tháng 8, trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 734.8 triệu USD, giảm 17% so với tháng 8/2022 khiến cổ phiếu nhóm gỗ giảm giá ở PTB (-3.6%), GDT (-0.3%).

VNIndex & HNXIndex



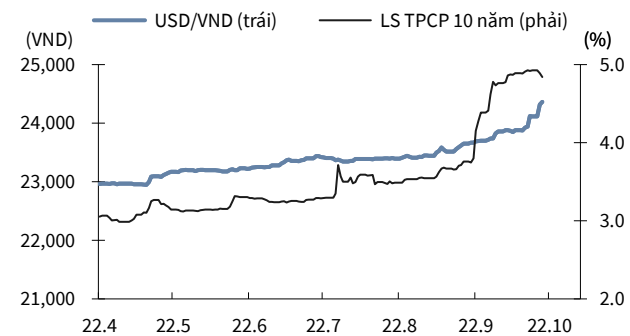
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

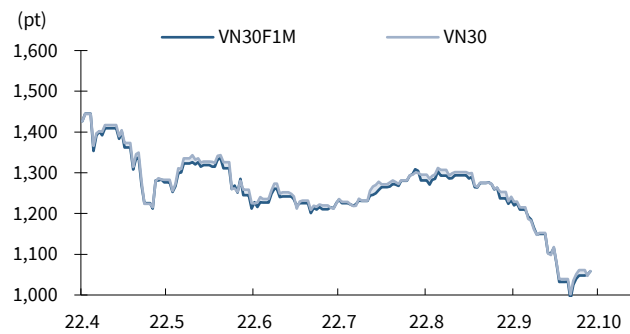
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,059.06 (+1.13%)
VN30F1M	1,057.9 (+0.75%)
Mở cửa	1,055.1
Cao nhất	1,069.8
Thấp nhất	1,048.9

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2210 và chỉ số Vn30 mở cửa ở mức cao nhất ngày 16.1 điểm sau đó thu hẹp dần biên độ và biến động giằng co trong khoảng -5.2 và 4.4 điểm, và đóng cửa ở mức -1.1 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

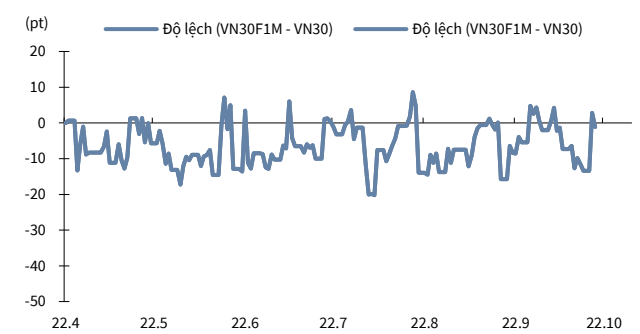
KLGD (HĐ) **361,709 (+13.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



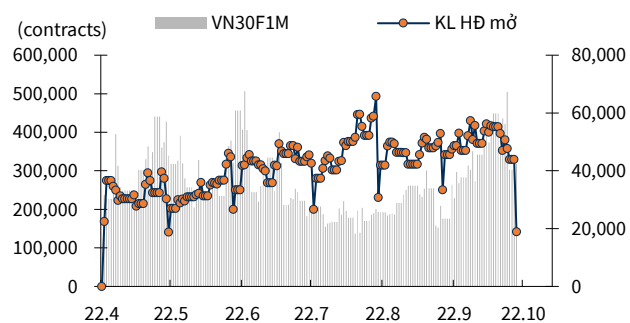
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



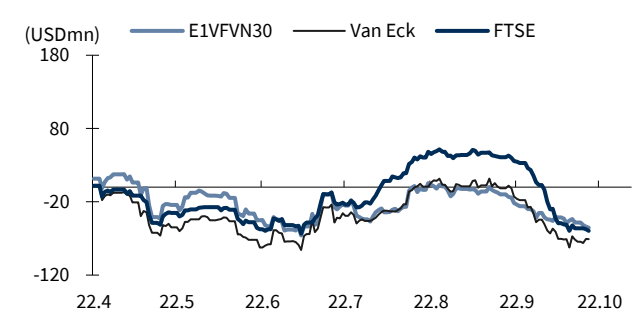
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

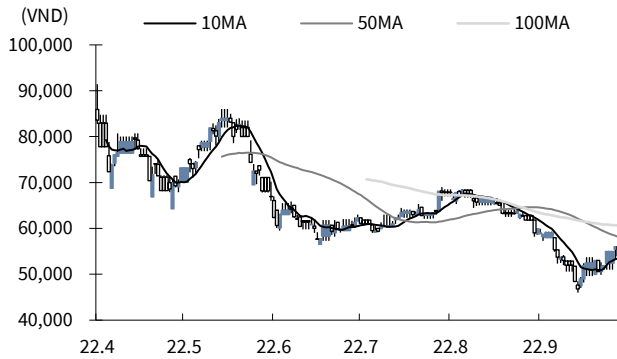
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

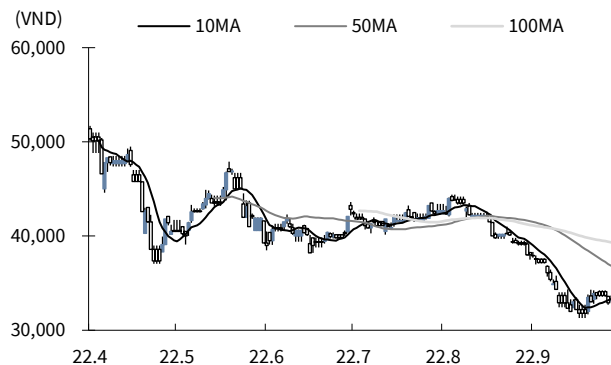
CTCP Phú Tài (PTB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PTB giảm 3.57% xuống 54,000 VND/cp
- Công ty CP Phú Tài công bố kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng với lợi nhuận trước thuế đạt 521 tỷ đồng (+5.7% YoY) và doanh thu 5.2 ngàn tỷ đồng, tăng 9.5% so với cùng kỳ.
- Trong quý 4/2022, Công ty đặt mục tiêu doanh thu 1.7 ngàn tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 170 tỷ đồng, tăng lần lượt 6.5% và 6.3% so với cùng kỳ.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 1.06% lên 33,250 VND/cp
- Petrolimex phê duyệt phương án chào bán toàn bộ 443,500 cổ phiếu BMF mà tập đoàn đang nắm giữ tại CTCP Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, tương đương 10,66% vốn điều lệ của Công ty BMF. Giá khởi điểm chuyển nhượng là 36,600 đồng/cổ phiếu, được chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

NHNN nới rộng biên độ tỷ giá và nâng mức giá bán USD

Áp lực tỷ giá tiếp tục gia tăng

NHNN điều chỉnh biên độ tỷ giá và nâng mức giá bán tỷ giá

- Ngày 17/10, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quyết định điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$ so với tỷ giá trung tâm.
- Đồng thời nâng tỷ giá bán USD lên 24,380 (+4.1% so với tỷ giá trung tâm, và vẫn nằm trong biên độ +5% mới). Theo đó, tỷ giá bán USD của NHNN đã tăng 7% YTD (biểu đồ 1).

Nguyên nhân

- 9 tháng đầu năm, mục tiêu ưu tiên của Việt Nam là bình ổn lạm phát nên NHNN đã nỗ lực kiểm soát tỷ giá nhằm hạn chế hiện tượng nhập khẩu lạm phát. Tuy nhiên để làm được điều này, trên thực tế, NHNN đã phải bán một lượng lớn USD ra hệ thống NHTM, ước tính vào khoảng 24 tỷ USD nhằm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của thị trường (biểu đồ 3). Việc này khiến dự trữ ngoại hối của Việt Nam giảm mạnh xuống dưới mức tiêu chuẩn - 12 tuần nhập khẩu (theo khuyến nghị của IMF) và dư địa chính sách đã dần bị hạn chế hơn trước. Như vậy, việc NHNN nới rộng biên độ tỷ giá lần này phần nhiều mang tính chất can thiệp kỹ thuật, từ đó có thể kết hợp nâng tỷ giá bán USD để phù hợp hơn với diễn biến thực tế.

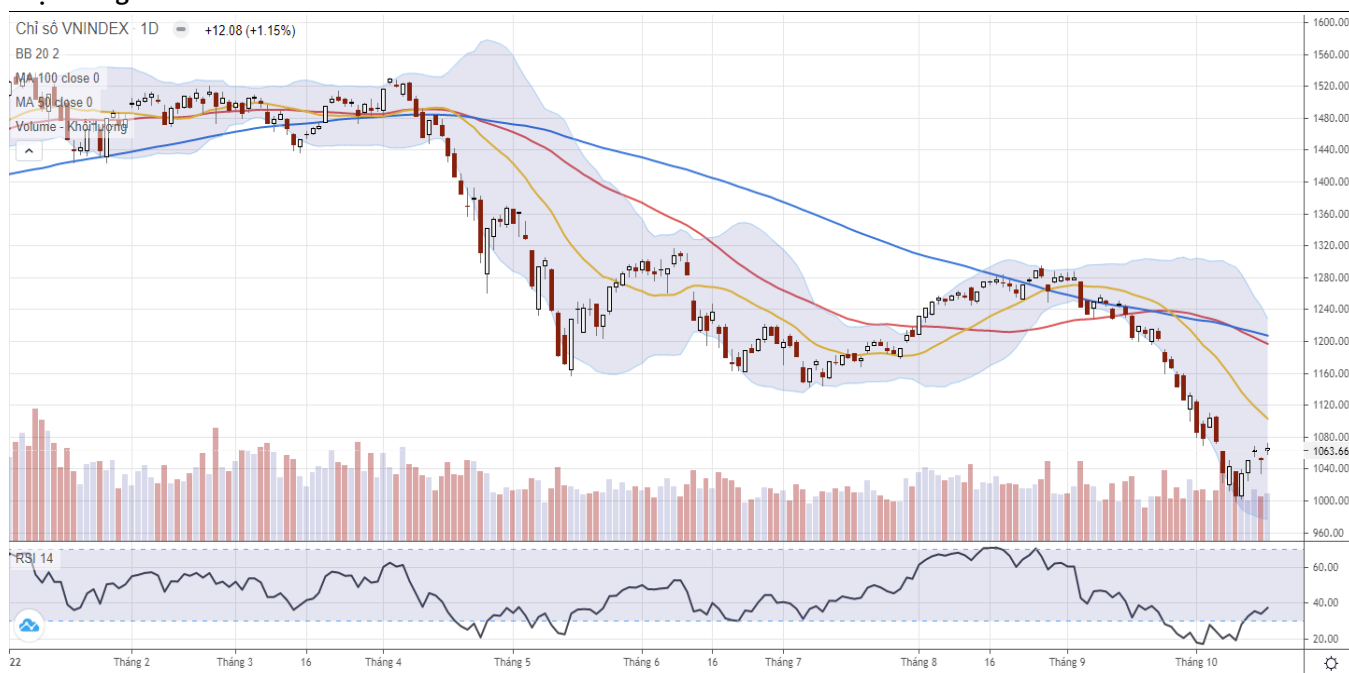
Đánh giá tác động và diễn biến trong thời gian tới

- Tỷ giá bán USD của NHNN đã được nâng lên xấp xỉ bằng với mức tỷ giá giao dịch ngoài thị trường tự do nên chúng tôi cho rằng đã đáp ứng đủ kỳ vọng của thị trường cho đến thời điểm hiện tại. Điều này mang đến 2 tác động trái chiều:
 - Tích cực: (1) Tâm lý trì hoãn giải ngân của các doanh nghiệp FDI do lo ngại phá giá VND sẽ được giải tỏa phần nào so với giai đoạn trước (khi NHNN cố giữ giá đồng nội tệ sẽ tạo ra tâm lý lo ngại khả năng VND bị định giá quá cao); (2) Nhóm các doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn nguyên vật liệu đầu vào ít phụ thuộc vào nhập khẩu cũng sẽ được hưởng lợi (nguồn thu từ ngoại tệ khi quy đổi sang VND sẽ tăng lên sau khi VND giảm giá).
 - Tiêu cực: (1) Áp lực nhập khẩu lạm phát sẽ gia tăng và từ đó có thể tác động liên đới lên mặt bằng lãi suất huy động và cho vay; (2) Các doanh nghiệp có nguồn nguyên vật liệu đầu vào phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu trong khi đầu ra chủ yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước sẽ chịu tác động bất lợi.
- Về diễn biến trong thời gian tới, do khả năng can thiệp của NHNN đã phần nào bị hạn chế nên diễn biến của tỷ giá sẽ phụ thuộc nhiều vào diễn biến của đồng USD trên thị trường thế giới, được thể hiện qua chỉ số Dollar Index (biểu đồ 4). Trong kịch bản lạm phát không hạ nhiệt như kỳ vọng, FED tiếp tục đẩy nhanh tiến trình tăng lãi suất, đồng USD sẽ vẫn duy trì xu hướng tăng thì tỷ giá USD/VND có thể lên 24,700 (cận trên +5% tỷ giá trung tâm). Trường hợp xấu nhất, NHNN sẽ phải can thiệp bằng biện pháp nâng tỷ giá trung tâm.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến có phần suy yếu trước hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn quanh vùng kháng cự gần 106x khiến cho đà tăng của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, VNIndex vẫn có nhiều cơ hội tiếp tục mở rộng nhịp hồi phục và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 108x.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ bán một phần vị thế ngắn hạn nhằm cân đối lại tỷ trọng tại vùng cản trên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1079 - 1083

Kháng cự gần: 1069 - 1074

Hỗ trợ gần: 1045 - 1050

Hỗ trợ xa: 1031 - 1036

- Sau nhíp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 diễn biến có phần suy yếu trước hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn quanh vùng kháng cự xa 107x khiến cho đà tăng của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, F1 vẫn đang có nhiều cơ hội tiếp tục mở rộng nhíp hồi phục với vùng hỗ trợ gần được đặt quanh 1050 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ đóng từng phần các vị thế LONG tại vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

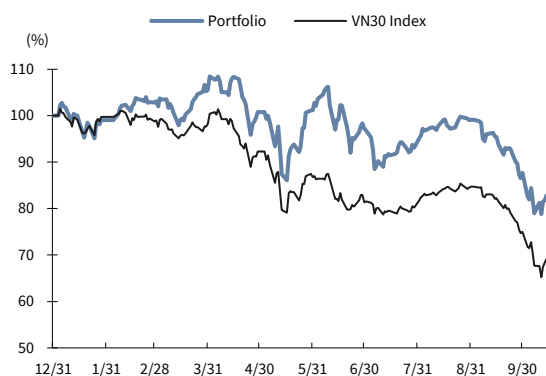
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.13%	0.36%
Tăng lũy kế (YTD)	-31.04%	-16.64%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/10/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	59,000	0.2%	52.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	20,100	-1.0%	-28.8%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,000	1.0%	37.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	157,500	-0.9%	-17.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,100	0.4%	169.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	74,900	1.5%	204.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,000	2.0%	19.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,000	-0.4%	51.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,850	-2.1%	72.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	23,300	3.1%	120.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	3.2%	55.1%	124.8
VND	0.7%	16.8%	36.4
MSN	3.8%	29.1%	33.5
CTG	2.0%	26.8%	32.8
FUEVFVND	0.8%	97.5%	24.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.1%	20.7%	-168.2
VHM	2.0%	23.1%	-89.8
DXG	6.3%	27.6%	-44.4
STB	-2.5%	20.8%	-54.7
GEX	-1.0%	9.8%	-11.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.1%	0.3%	3.7
SHS	1.2%	5.6%	3.6
HUT	10.0%	0.8%	1.7
PVI	1.8%	58.6%	-0.3
SD5	0.0%	5.7%	0.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.7%	11.3%	-5.0
MBG	3.8%	1.0%	-0.3
IDV	0.0%	19.6%	-0.2
VNR	1.3%	27.1%	-0.1
SD6	0.0%	1.7%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	11.8%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	9.9%	PVD, PVT
Ngân hàng	9.7%	VCB, BID, VPB, TCB
Chứng khoán	9.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Cung cấp và dịch vụ thương mại	8.7%	TLG, ILB, APC, ST8
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-2.6%	CKG, PSH, NHH, ABS
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Quản lý & phát triển bất động sản	0.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	0.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Thương mại & phân phối	0.5%	VPG, TSC, BTT, TNA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	2.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Tiện ích khí	0.0%	GAS, PGD, PMG
Vận tải hàng không & Logistics	-2.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Phụ tùng oto	-2.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	-25.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-20.6%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	-19.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	-18.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Kim loại & khai thác	-18.3%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	71,344 (3.0)	22.5	23.8	22.2	14.7	8.8	9.2	2.2	1.9	4.3	-2.7	-6.6	-38.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	135,612 (5.7)	26.6	7.1	5.9	35.9	22.2	22.0	1.4	1.2	2.0	-2.5	15.3	-38.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	37,121 (1.6)	17.8	24.0	16.6	-7.6	7.7	10.2	1.8	1.7	3.6	9.1	13.6	-14.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	235,863 (9.9)	31.3	26.7	22.3	6.7	14.1	15.2	3.7	3.2	0.1	0.1	13.1	-17.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	76,877 (3.2)	11.6	13.3	12.7	13.7	13.0	12.4	1.6	1.4	2.7	7.8	22.4	-43.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	208,297 (8.7)	13.9	10.8	8.6	-	10.4	11.5	0.8	0.8	6.3	9.1	31.7	-52.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	75,914 (3.2)	6.3	11.9	10.0	11.7	22.1	22.2	2.3	1.9	2.1	9.2	15.4	-14.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	37,193 (1.6)	12.7	11.7	9.4	-5.3	17.3	18.9	1.7	1.4	0.3	15.1	-7.6	-11.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	183,087 (7.7)	0.0	4.1	3.5	14.3	20.9	19.9	0.8	0.6	0.8	5.4	29.7	-49.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	95,967 (4.0)	1.4	5.9	4.8	50.3	19.1	20.7	1.0	0.9	2.0	16.2	12.2	-32.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	267,279 (11.2)	0.0	6.2	5.9	18.8	20.2	17.2	1.0	0.9	0.0	3.9	21.7	-33.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	173,188 (7.2)	0.0	4.6	3.9	14.6	24.4	22.9	1.0	0.8	0.3	9.3	19.5	-27.1
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	32,325 (1.4)	4.2	5.4	4.7	23.3	22.9	21.4	1.2	1.0	1.8	3.7	16.0	-31.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	275,606 (11.5)	14.0	7.8	2.0	26.5	11.9	29.4	0.9	0.6	-2.5	11.7	21.2	-43.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	49,559 (2.1)	0.0	5.3	4.0	37.4	21.6	22.0	1.0	0.8	0.0	6.5	21.7	-49.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	55,420 (2.3)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	0.0	0.0	8.5	9.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	72,933 (3.1)	21.0	17.8	14.5	15.8	9.9	11.5	1.7	1.6	0.4	8.3	-9.1	-9.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,617 (0.6)	14.2	12.0	10.7	9.1	12.8	13.6	1.3	1.2	3.9	16.0	21.6	-45.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	300,442 (12.6)	55.4	10.7	9.7	-3.2	15.2	13.1	-	-	-1.1	9.9	15.8	-63.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	172,173 (7.2)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-2.1	13.2	20.2	-50.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	141,597 (5.9)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-1.4	10.5	21.7	-54.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	298,435 (12.5)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	0.7	7.0	23.2	-56.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	143,657 (6.0)	42.1	18.2	16.3	4.0	27.1	29.2	4.6	4.5	3.2	9.0	0.7	-11.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,095 (1.0)	36.9	24.5	21.1	7.3	22.3	22.9	5.0	4.4	2.5	3.4	2.4	25.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	82,952 (3.5)	16.5	20.7	14.9	-51.9	15.1	17.9	3.0	2.6	3.8	2.8	27.3	-42.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	31,262 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.8	3.7	21.3	-60.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	45,545 (1.9)	11.0	46.1	29.2	-88.5	7.5	16.4	-	-	0.1	2.0	-5.7	-15.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	43,105 (1.8)	10.8	16.1	14.6	-57.0	13.7	13.9	2.1	1.9	-0.2	1.2	-2.7	0.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	110,410 (4.6)	38.4	6.3	33.7	65.7	14.3	2.4	0.8	0.8	6.7	8.0	17.8	-60.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	152,514 (6.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.0	8.7	32.1	-63.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	34,710 (1.5)	3.6	43.3	8.6	-52.4	1.0	4.8	-	-	1.1	9.8	32.1	-56.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	40,283 (1.7)	0.0	11.7	11.2	-4.5	16.0	14.8	1.7	1.5	0.4	6.8	-4.8	33.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	43,856 (1.8)	46.1	15.0	15.9	-17.5	24.7	20.8	3.6	3.3	-0.4	4.6	0.0	15.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	51,762 (2.2)	31.4	10.7	10.4	-10.5	18.2	16.8	1.7	1.6	1.1	8.9	-	4.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,927 (0.1)	34.1	18.0	8.2	-5.1	4.7	9.9	1.0	1.0	1.3	0.3	-	-36.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	443,318 (18.6)	18.0	4.5	3.9	21.9	23.6	22.7	0.9	0.8	-2.1	7.7	-	-47.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	151,803 (6.4)	36.5	4.0	6.0	-0.5	40.1	23.5	1.4	1.3	-1.7	10.7	-7.6	-3.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	181,367 (7.6)	46.5	5.0	7.6	-4.5	41.5	22.9	1.8	1.6	-2.3	9.8	-	-11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	124,681 (5.2)	38.9	7.4	5.9	67.9	10.2	11.8	0.7	0.6	-1.1	9.0	-	-55.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	22,260 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.1	8.2	-	-58.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	41,090 (1.7)	4.6	22.1	12.0	-51.0	6.3	11.7	1.3	2.1	1.1	0.8	-	-38.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	203,722 (8.5)	39.9	154.7	20.0	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	-1.9	9.9	-8.3	-6.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	36,972 (1.6)	35.9	8.1	8.2	2.2	13.1	12.2	-	0.8	0.0	10.0	-	-19.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	203,862 (8.5)	0.0	15.5	11.3	14.4	24.6	28.5	2.9	2.4	0.2	6.5	-	-13.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	41,742 (1.8)	0.0	14.7	12.7	2.4	24.2	21.7	2.9	2.5	1.0	1.3	-6.4	10.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,070 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.9	4.6	-	-37.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	138,242 (5.8)	30.3	17.4	13.9	-75.2	27.8	25.6	4.0	3.1	-2.3	19.1	-	16.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,069 (1.3)	34.6	7.9	7.6	41.2	29.4	22.0	1.8	1.7	0.6	9.7	-	-31.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	566 (0.0)	45.4	13.2	12.2	10.7	21.3	20.6	-	-	0.6	3.0	-8.3	-26.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	102,212 (4.3)	0.0	15.6	12.6	15.5	28.2	28.4	3.9	3.1	1.5	5.5	-9.2	-3.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.